TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2022
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bé

Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lê Thị Ngọc Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Huế T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 8/2/12A, đường Cử Luyện, Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn T Đ, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huế T trình bày:

Bà T và ông Đ đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2020, tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có với nhau một con chung tên Nguyễn Ngọc Tiến T, sinh ngày 20/5/2020. Tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ tháng 6/2021 bà T và ông Đ sống ly thân đến

nay. Bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà T không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Ngọc Tiến Anh, giới tính nam, sinh ngày 20/5/2020. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn T Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T.

Do ông Đ vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn: Ông Nguyễn T Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên nên Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về hôn nhân giữa bà T với ông Đ: Bà T cho rằng hôn nhân giữa bà và ông Đ không hạnh phúc, tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Vợ chồng không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau, bà T không còn tình cảm với ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không tham gia tố tụng, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân là sự tự nguyện gắn kết từ hai phía, bà T không còn tình cảm với ông Đ, hiện vợ chồng đã sống ly thân, bà T kiên quyết muốn ly hôn với ông Đ. Do đó, tình trạng hôn nhân hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Đ.

[3] Về con chung: Bà T và ông Đ có một con chung Nguyễn Ngọc Tiến Anh, sinh ngày 20/5/2020. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, ông Đ không có ý kiến tranh chấp việc nuôi con. Hiện con đang sống chung với bà T và con chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao con cho bà T tiếp tục nuôi con là phù hợp. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huế T về việc "Ly hôn" với ông Nguyễn T Đ.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huế T được ly hôn với ông Nguyễn T Đ.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Tiến Anh, sinh ngày 20/5/2020 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn T Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Huế T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0003869 ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang thi hành án phí. Bà T không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hoá;
- UBND xã Tân Đông, Thạnh Hóa, LA;
- UBND Phường 5, Tp. Tân An, LA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thúy Lành